

BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU CÔNG CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CPEIR) – GIAI ĐOẠN 2010-2020 – TỈNH AN GIANG

1. Tình hình biến đổi khí hậu ở An Giang

Giới thiệu chung về tỉnh An Giang

An Giang có diện tích đứng thứ 4 trên 13 tỉnh ĐBSCL, giáp Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang và có đường biên giới dài gần 104 km với Campuchia.

Năm 2019, dân số An Giang là khoảng 1,91 triệu người, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đạt 46,014 triệu VNĐ (~1.954 USD), tổng giá trị GRDP toàn tỉnh là 112,83 nghìn tỉ VNĐ (4,85 tỉ USD), tốc độ tăng trưởng GRDP đạt năm 2019 đạt 7,02%.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi giúp An Giang có một nền kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh với sản lượng lúa và thủy sản nước ngọt cao nhất nước. Ngoài ra, với địa hình vừa có đồng bằng, vừa có đồi núi, sở hữu nhiều danh thắng nổi tiếng, cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, An Giang có nhiều tiềm năng phát triển du lịch.



Tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh An Giang

An Giang là tỉnh đầu nguồn ĐBSCL, có hệ thống sông ngòi, kênh mương chằng chịt. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu thể hiện qua các hiện tượng bất thường như hạn hán, mưa trái mùa, diễn biến lũ thất thường, hiện nay trên địa bàn An Giang còn chịu ảnh hưởng của sạt lở bờ sông, rạch, cụ thể:

- Sạt lở các tuyến đê bao, kênh, rạch, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp, hạ tầng nông thôn và đời sống sinh hoạt của người dân. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có: 27 tuyến kênh, rạch thường xuyên xảy ra sạt lở, đặc biệt là vào những tháng mùa khô, như: Kênh Xáng Tân An, kênh Thần Nông, rạch Ông Chưởng, rạch Cái Sắn, rạch Cỏ Lau v.v
- Hạn hán ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân, như: thiếu nước sản xuất, sinh hoạt vào mùa khô, đặc biệt là ở 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, là 02 huyện biên giới, miền núi và có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống.

Theo số liệu thống kê, tổng thiệt hại về kinh tế do thiên tai gây ra (lũ lụt, hạn hán, sạt lở, mưa bão...) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2016 hơn 1.463 tỷ đồng. Ngoài ra, biến đổi khí hậu đặc biệt ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp, hạ tầng giao thông, hoạt động kinh doanh, sức khỏe và đời sống. Từ năm 1996 đến nay, xảy ra hơn 450 vụ sạt lở 170km, mất hơn 200 ha đất, di dời 7.350 hộ dân¹.

¹ Theo <https://baoangiang.com.vn/thich-ung-voi-bien-doi-khi-hau-a237888.html>

Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh An Giang²

An Giang đã triển khai nhiều giải pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế và khắc phục các khu vực sạt lở và bảo vệ các tuyến đê bao. Thực hiện dự án chỉnh trị dòng chảy trên Sông Hậu khu vực Mỹ Hoà Hưng - TP. Long Xuyên, chỉnh trị dòng chảy ở xã Châu Phong, TX. Tân Châu.

Thực hiện kè bảo vệ và khắc phục sạt lở để bảo vệ các công trình hạ tầng, kiến trúc quan trọng như: kè Tân Châu, kè Vĩnh Xương, kè Nguyễn Du, kè Bình Đức, kè Bình Khánh. Thường xuyên thực hiện gia cố và kiên cố các tuyến đê bao đảm bảo cao trình đê vượt lũ năm 2000 để bảo vệ sản xuất khi có lũ về. Tăng cường công tác kiểm tra bảo vệ đê bao trong mùa mưa lũ. Đồng thời cũng tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo, dự báo về lũ, sạt lở đất bờ sông, kênh, rạch.

Để ứng phó với tình trạng hạn, xâm nhập mặn, địa phương đã tranh thủ thực hiện các dự án đầu tư hệ thống thủy lợi vùng cao, như: trạm bơm điện, hồ chứa nước để trữ nước và dẫn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và phục vụ dân sinh, như: Hồ chứa nước Ô Thum, Hồ Soài So, hồ Ô Tà Sóc, Trạm bơm 3/2, Trạm bơm Châu Lăng, trạm bơm Lê Trì. Xây dựng các hệ thống cống điều tiết, cống ngăn mặn, các đập ngăn mặn. Đồng thời cũng tăng cường công tác đo, quan trắc, thông tin cảnh báo, dự báo hạn, mặn trên khu vực (8 điểm quan trắc: huyện Thoại Sơn 4 điểm, Tri Tôn 4 điểm).

Để từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu, tỉnh An Giang đã chủ động thực hiện một số nhiệm vụ như đã nêu trên. Đồng thời, rà soát, xây dựng các đề án, dự án trên địa bàn tỉnh như: Đề án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên; Đề án Liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao cho vùng ĐBSCL; Kè chống sạt lở sông Hậu đoạn qua xã Châu Phong, TX Tân Châu; Dự án đầu tư xây dựng cụm tuyến dân cư di dời khẩn cấp các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

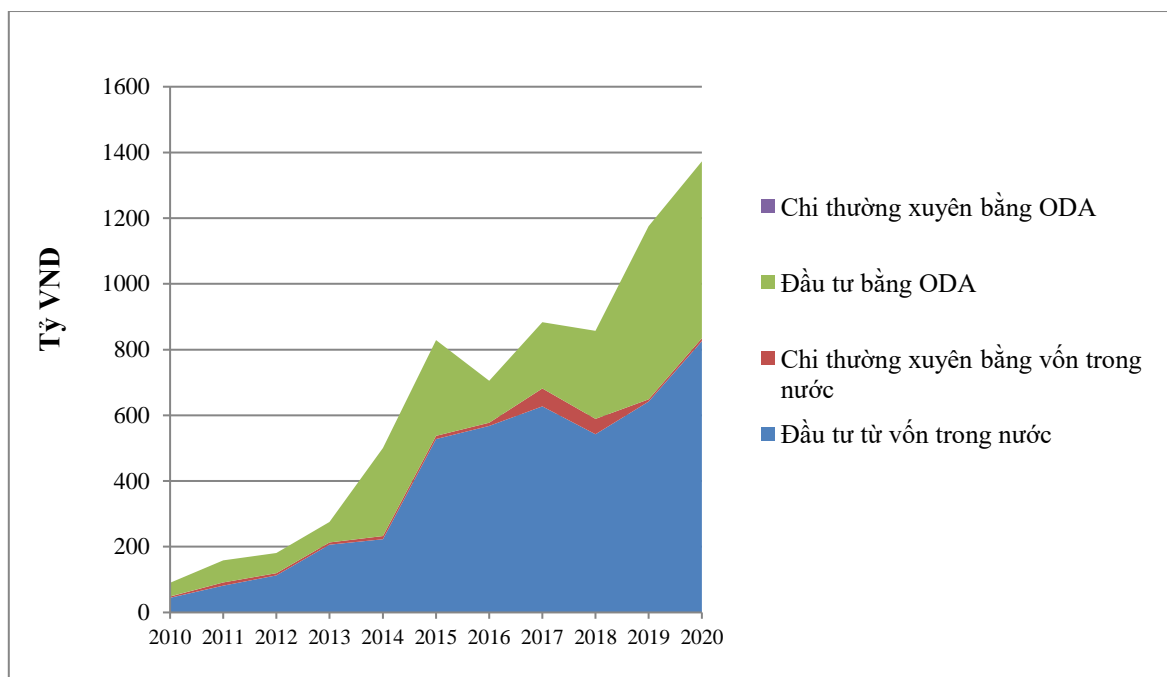
Để chủ động phòng, chống, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiệt hại về người, tài sản, ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân, đặc biệt là người dân tộc Khmer, tỉnh An Giang có kiến nghị như Trung ương hỗ trợ từ các nguồn vốn ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống, hạn... Có cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư các dự án xây dựng cụm, tuyến dân cư để di dời khẩn cấp các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh An Giang. Hỗ trợ đầu tư các dự án hồ trữ lũ ở các khu vực không sản xuất vụ Thu đông để tích trữ nguồn nước mùa lũ để sử dụng cho mùa khô và góp phần điều hoà sinh thái. Hỗ trợ đầu tư nạo vét các tuyến kênh lớn nối liền các sông chính như: sông Tiền, sông Hậu để tăng lưu lượng nước cung cấp vào vùng nội đồng Tứ giác Long Xuyên.

2. Tổng hợp dữ liệu về đầu tư biến đổi khí hậu ở An Giang

2.1 Nguồn ngân sách đầu tư cho BĐKH

a) Tổng ngân sách cho biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 – 2020.

² Theo: <http://dangcongsan.vn/khuyen-nong-huong-toi-su-phat-trien-ben-vung/tin-tuc/an-giang-no-luc-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-478367.html>



Hình 1: Tổng chi ngân sách cho biến đổi khí hậu tại An Giang- bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên; từ các nguồn vốn trong nước và ODA (theo giá cố định 2020)

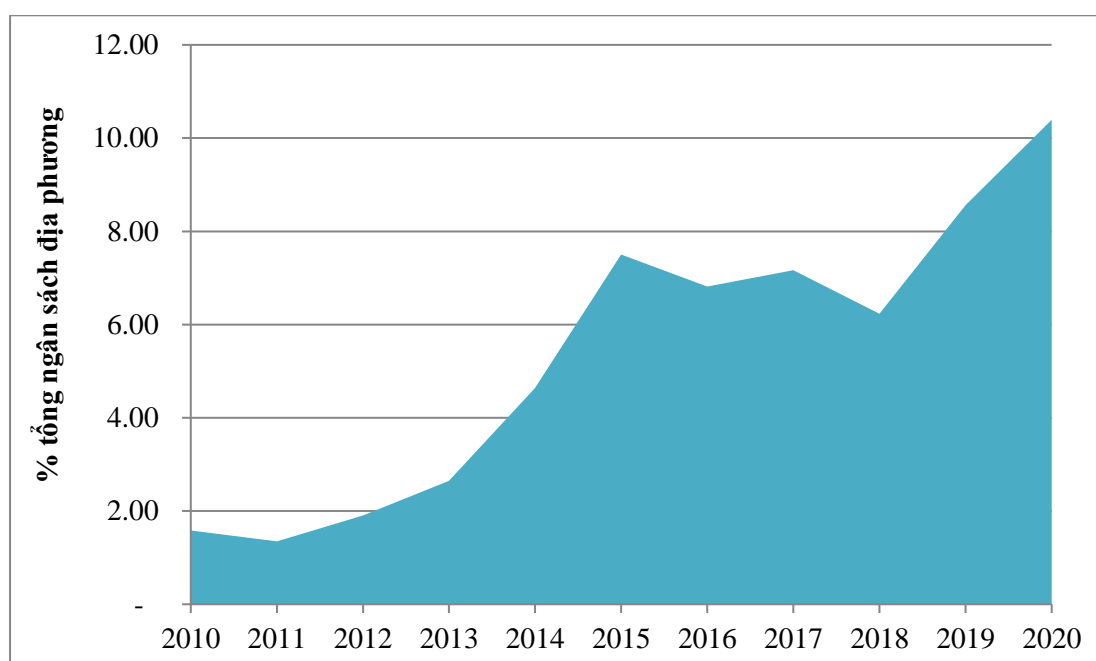
Bảng 1: Số liệu chi ngân sách cho biến đổi khí hậu tại An Giang theo năm từ 2010-2020

Năm	Vốn đầu tư trong nước (tỷ VNĐ)	Vốn đầu tư ODA (tỷ VNĐ)	Chi thường xuyên trong nước (tỷ VNĐ)	Chi thường xuyên từ ODA (tỷ VNĐ)	Tổng (tỷ VNĐ)
2010	44,7	41,1	4,1	-	89,9
2011	81,8	66,8	9,4	-	158,0
2012	112,2	61,8	7,3	-	181,3
2013	206,4	62,7	6,2	-	275,3
2014	222,8	268,1	9,7	-	500,6
2015	527,9	290,7	9,7	-	828,3
2016	567,5	127,4	10,2	-	705,1
2017	627,5	201,0	54,4	-	882,9
2018	542,1	268,1	46,7	-	856,9
2019	641,8	526,8	6,7	-	1.175,3
2020	825,5	538,2	9,2	-	1.372,9

- Tổng chi ngân sách, chi đầu tư và chi thường xuyên liên quan đến BĐKH bình quân 11 năm từ 2010 đến 2020 của tỉnh An Giang là khoảng 640 tỷ đồng/năm, giá trị chi ngân sách này cho giai đoạn 2016-2020 cao hơn gần 1,6 lần, khoảng 1.000 tỷ/năm, cao nhất vào năm 2020 (1.373 tỷ đồng) và thấp nhất vào năm 2010 (khoảng 90 tỷ đồng), tăng trưởng tới 15 lần.

- Tại An Giang, chi ngân sách cho biến đổi khí hậu tập trung phần lớn vào chi đầu tư, 6.853 tỷ đồng, trong khi đó chi thường xuyên chiếm một tỷ lệ khiêm tốn là 2,5% tổng chi ngân sách cho biến đổi khí hậu (khoảng 174 tỷ).
- Giai đoạn 2010-2020, chi đầu tư cho biến đổi khí hậu bằng nguồn vốn trong nước bình quân hàng năm là 400 tỷ đồng, chiếm 64,2% tổng chi đầu tư, nguồn vốn ODA đóng góp ít hơn khoảng 223 tỷ đồng, chiếm 35,8%. Tỷ trọng đầu tư từ nguồn ODA thường thay đổi không theo quy luật, thấp nhất là 18% năm 2016 và cao nhất là 55% vào năm 2014.
- Chi thường xuyên liên quan tới BĐKH trung bình khoảng 16 tỷ/năm, tập trung nhiều vào các năm 2017 và 2018, nguồn vốn cho chi thường xuyên này 100% từ trong nước, số liệu nhận được từ địa phương chưa ghi nhận bất kỳ khoản vốn ODA nào phân bổ cho chi thường xuyên liên quan đến biến đổi khí hậu.

b) Tỷ trọng tổng ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu tính và tổng ngân sách đầu tư cấp Tỉnh giai đoạn 2010-2020.



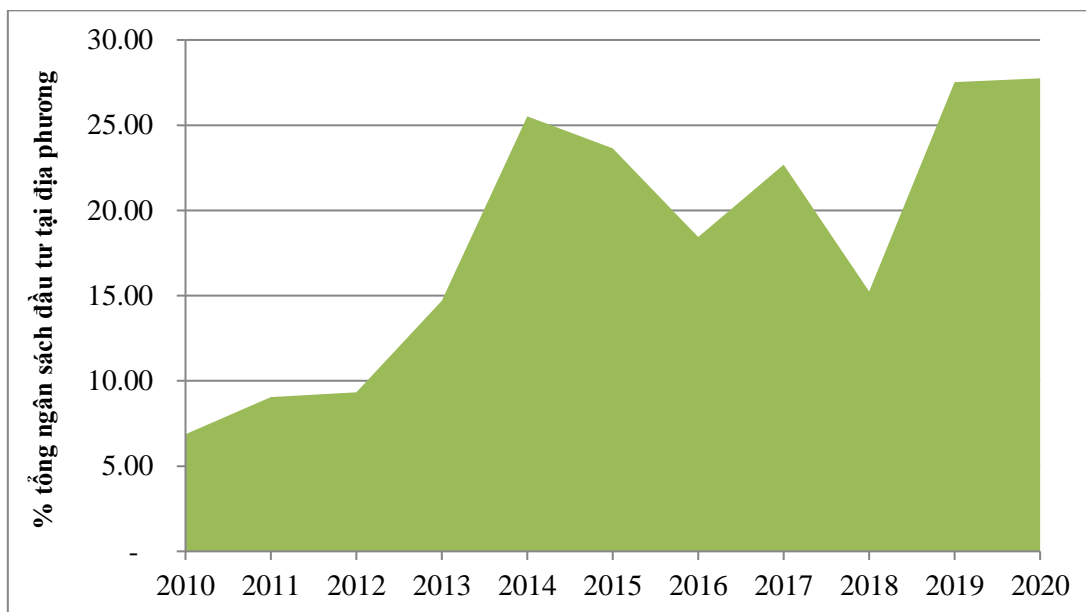
Hình 2.1: Tỷ lệ chi ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu trên tổng ngân sách đầu tư của tỉnh giai đoạn 2010-2020 (đơn vị %)

Hình 2.1 trên đây thể hiện chuỗi giá trị 11 năm, tỷ lệ phần trăm giữa tổng chi ngân sách cho BĐKH, tức là bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên liên quan đến BĐKH và tổng ngân sách của tỉnh, giá trị bình quân giai đoạn (2010-2020) khoảng 5,7%, dao động từ 1,4% năm 2010 lên 10,4% năm 2020. Tỷ lệ chi cho BĐKH nói trên là tương đối nhỏ, do tổng ngân sách địa phương bao gồm cả chi thường xuyên và đầu tư, trong khi đó chi thường xuyên của tỉnh chiếm khoảng 70% tổng ngân sách cấp tỉnh (xem Bảng dưới đây), tuy nhiên chi cho BĐKH chủ yếu là chi đầu tư.

Thống kê ngân sách địa phương (An Giang) cho giai đoạn 2010-2020, tỷ đồng

Nguồn	2010	2011-2015	2016-2020	2010-2020	2010-2020, (%)
Ngân sách đầu tư	799,7	9.020,8	21.184,3	31.004,8	28%
N.s chi thường xuyên	2.832,7	34.994,8	40.182,4	78.009,9	72%
Tổng ngân sách	3.632,5	44.015,6	61.366,6	109.014,7	100%

Tuy nhiên, kết quả rà soát CPEIR chỉ ra rằng, tại An Giang chi thường xuyên cho biến đổi khí hậu chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong chi đầu tư cho biến đổi khí hậu. Do đó, để có cái nhìn chính xác hơn về mức đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu, **Hình 2.2** dưới đây chỉ thể hiện tỷ lệ phần trăm giữa chi đầu tư cho biến đổi khí hậu và tổng ngân sách đầu tư của tỉnh, hoàn toàn bỏ qua chi thường xuyên để phân tích.

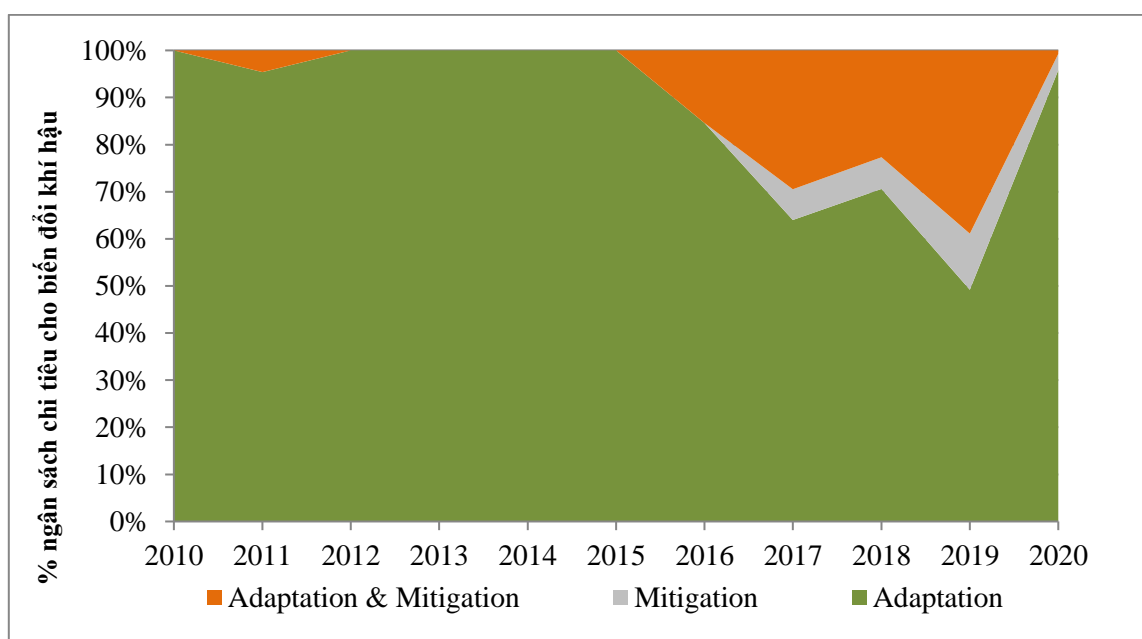


Hình 2.2: Tỷ lệ chi đầu tư từ ngân sách cho biến đổi khí hậu trên tổng vốn đầu tư của tỉnh giai đoạn 2010-2020 (đơn vị: %)

Hình 2.2 cho chúng ta thấy, tỷ trọng chi đầu tư cho BĐKH trong tổng vốn đầu tư phát triển của tỉnh, bình quân giai đoạn 2010-2020 là 20,7%, biến động mạnh qua các năm tùy theo tốc độ giải ngân đối với dự án, thời điểm bắt đầu hoặc kết thúc dự án đầu tư. Có thể thấy, tỷ lệ này đã thay đổi từ 7,2% năm 2010 lên 27,9% năm 2020.

2.2 Phân bổ chi ngân sách cho biến đổi khí hậu

Phân bổ theo các mục tiêu thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu

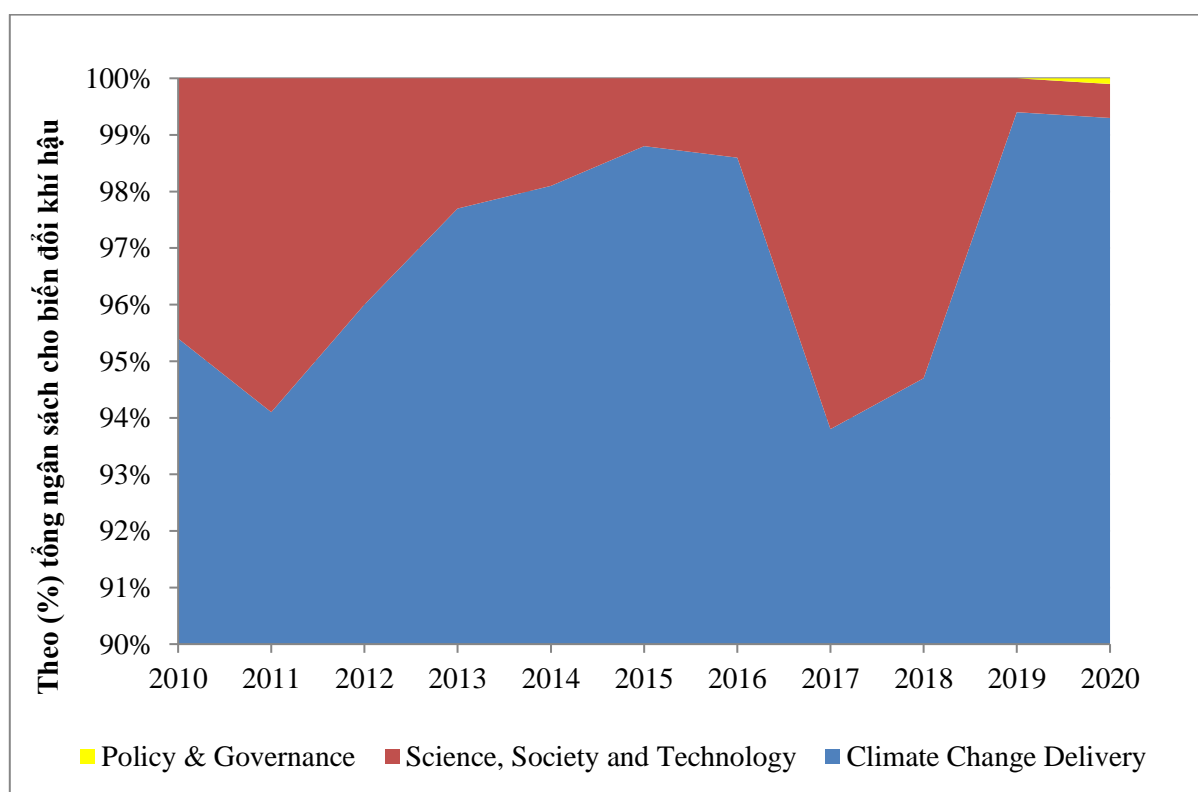


Hình 3: Phân bổ lĩnh vực chi tiêu công cho biến đổi khí hậu (thích ứng, giảm thiểu, thích ứng + giảm thiểu)

- Giai đoạn 2010-2020, chi ngân sách cho lĩnh vực thích ứng chiếm tỷ trọng lên tới 86%, lĩnh vực giảm thiểu chiếm tỷ trọng thấp khoảng 3,1%, đặc biệt tại An Giang có nhiều các hoạt động đầu tư hỗn hợp, vừa liên quan đến thích ứng và vừa góp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, chiếm tỷ trọng lên tới 11% tổng chi cho biến đổi khí hậu.
- Giai đoạn 2010-2015, phần lớn chi ngân sách liên quan đến biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực thích ứng, chiếm tới hơn 99,5%, trừ năm 2011 có dự án đầu tư hỗn hợp, giảm nhẹ và thích ứng, dự án bảo tồn và phát triển rừng tại địa phương.
- Giai đoạn 2016-2020, có nhiều hơn những dự án thuộc lĩnh vực giảm nhẹ và những dự án hỗn hợp, (giảm nhẹ và thích ứng). Giai đoạn này, tỷ trọng các dự án thích ứng chiếm 79%, giảm nhẹ chiếm 4,7% và những dự án hỗn hợp chiếm 16,3%.
- Giai đoạn 2016-2020, những dự án giảm nhẹ điển hình tại địa phương như xây dựng và lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt và cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia cho một số địa bàn của tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, tổng mức đầu tư khoảng gần 190 tỷ đồng; dự án đầu tư hỗn hợp như xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại Long Xuyên, Châu Đốc, dự án bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 với tổng mức đầu tư dự kiến hơn 660 tỷ đồng.

2.3 bổ ngân sách cho biến đổi khí hậu theo các nhiệm vụ cụ thể

i) Phân bổ theo các trụ cột ngân sách:

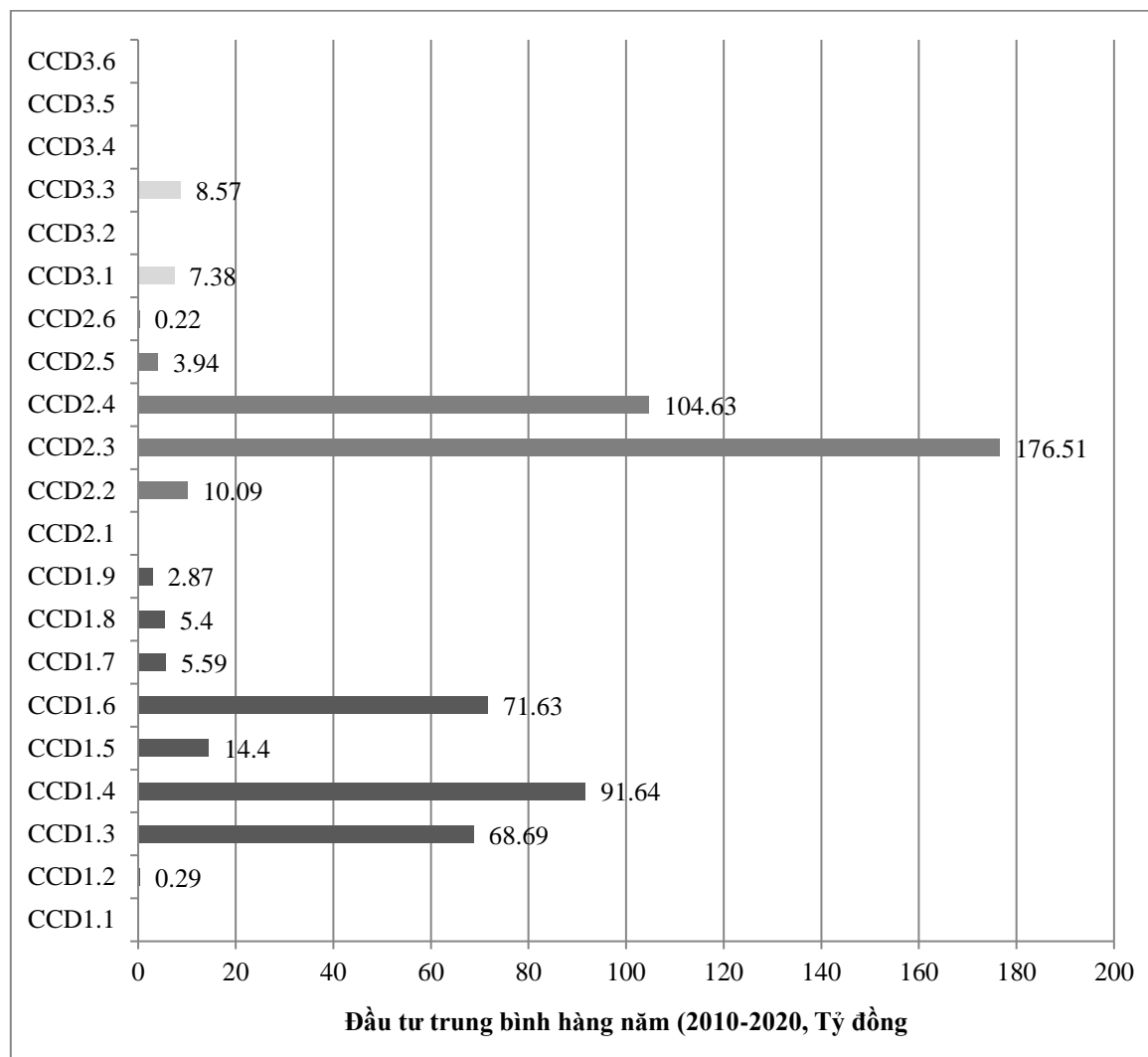


Hình 4: Phân bổ chi tiêu công cho biến đổi khí hậu theo nội dung - chi đầu tư (Climate change delivery), chi thường xuyên (Science, society and technology và Policy & governance)

- Chi cho biến đổi khí hậu được phân nhóm thành 02 trụ cột **Chi Đầu tư** (investment) và **Chi Thường xuyên** (recurrent), giai đoạn 2010-2020, đa phần, chiếm đến 97,6% là chi cho Đầu tư, chi Thường xuyên chiếm tỷ lệ không đáng kể là 2,4%.

- Chi thường xuyên, bao gồm chi cho 02 chủ đề chính là ‘Chính Sách và Quảng Trị’ (PG) và ‘Khoa học và Công Nghệ’ (ST), là khoảng 169 tỷ đồng cho cả giai đoạn, trong đó chủ yếu là chi cho các lĩnh vực ST, chi cho PG không đáng kể, chỉ là 600 triệu vào năm 2020, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh và Hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện đến năm 2020.

ii) Phân bổ cho nhiệm vụ chi Đầu tư (Climate Change Delivery), (Chi bình quân hàng năm tỷ đồng, 2010 - 2020):



Về lĩnh vực dự án đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương trong những năm qua, 05 chủ đề được đầu tư nhiều nhất, chiếm tỷ trọng tới gần 90% tổng đầu tư cho biến đổi khí hậu tại địa phương bao gồm:

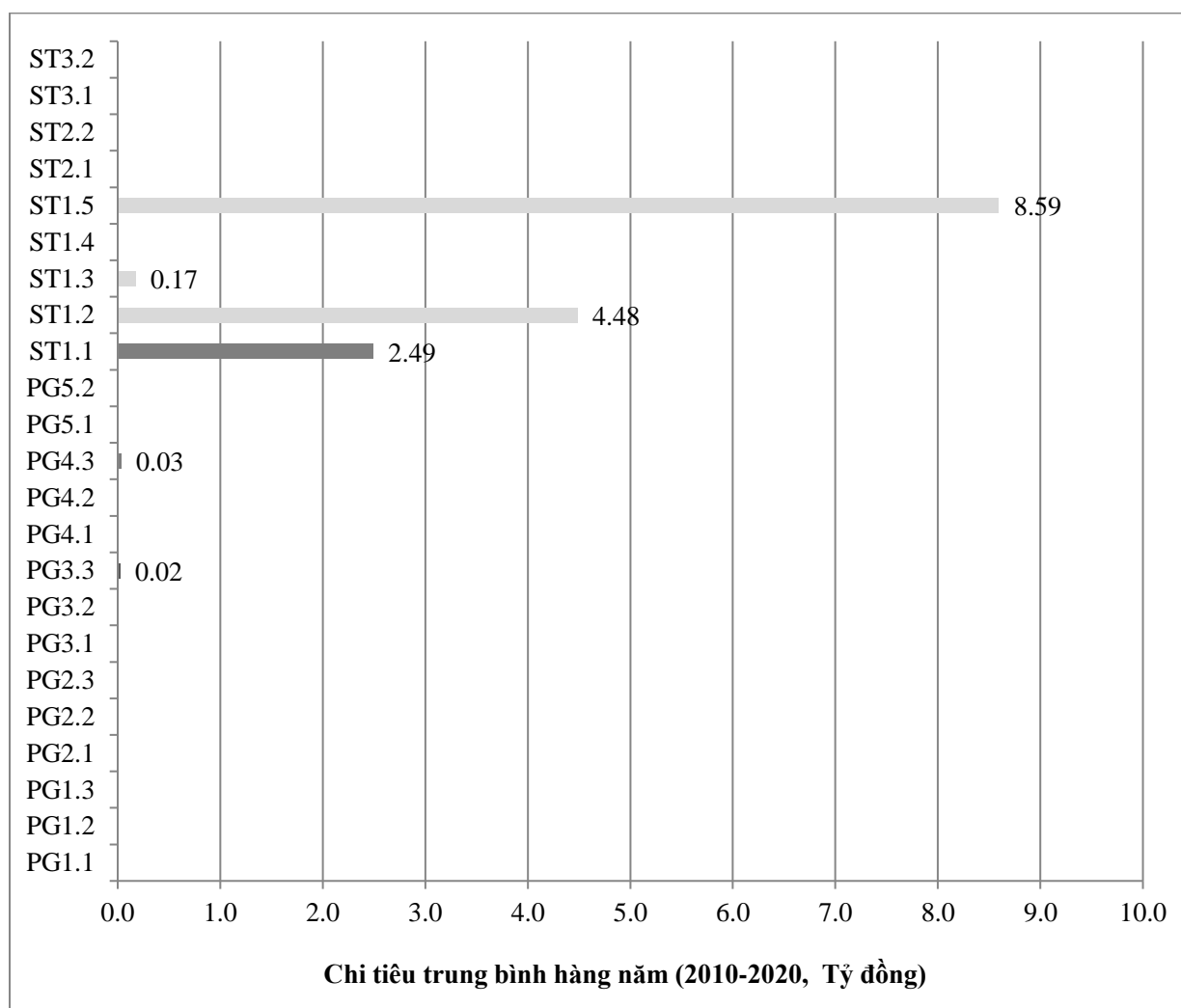
- CCD 2.3 (Giao thông; đầu tư 176,5 tỷ đồng/năm, chiếm tỷ trọng 31,1%),
- CCD 2.4 (Quản lý và xử lý chất thải; đầu tư 104,6 tỷ đồng /năm chiếm 18,4%),
- CCD 1.4 (Đê và kè bảo vệ sông; 91,6 tỷ đồng /năm, chiếm 16,1%),
- CCD 1.6 (Phát triển nông thôn và an ninh lương thực; đầu tư 71,6 tỷ đồng/năm; chiếm 12,6%) và
- CCD 1.3 (Thủy lợi; đầu tư 68,7 tỷ đồng/năm; chiếm 12,1%) và

Năm (05) lĩnh vực đầu tư tiếp theo có thể kể tới: Nâng cao tính chống chịu của các khu vực thành phố và dân cư (CCD 2.2), Chất lượng và cung cấp nước (CCD 1.5), Cơ sở hạ tầng và xây dựng (CCD 3.3), Sản xuất năng lượng (CCD 3.1), Phát triển rừng (CCD 1.7) với mức đầu tư hàng năm khoảng 5,6 đến 14,4 tỷ đồng.

Ngoài ra, là một số dự án đầu tư trong 05 lĩnh vực khác, có mức đầu tư nhỏ hơn từ vài trăm triệu đến 5,4 tỷ đồng/năm cho mỗi lĩnh vực.

UBND tỉnh An Giang đã ban hành và triển khai thực hiện một số văn bản chính sách liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu như Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (TNP-CC) của tỉnh An Giang giai đoạn 2010-2015, Kế hoạch hành động với biến đổi khí hậu (CCAP), Kế hoạch Hành động Tăng trưởng Xanh (GGAP) và Kế hoạch Thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA), có thể nhận xét rằng các hoạt động đầu tư nêu trên phù hợp với danh mục các hoạt động ưu tiên nêu trong các Kế hoạch Hành động này.

iii) Phân bổ cho các trụ cột ‘Khoa học, Xã hội và Công nghệ’ và ‘Chính sách và Quản trị’



Về chi thường xuyên cho ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương giai đoạn 2010-2020, 06 chủ đề được thực hiện, bao gồm:

- ST 1.5 (Công nghệ cho hiệu quả năng lượng và phát thải GHG thấp; đầu tư 8,6 tỷ/năm, chiếm tỷ trọng 54,4%),
- ST 1.2 (Cải thiện công tác dự báo rủi ro khí tượng và thời tiết.; đầu tư 4,5 tỷ/năm chiếm 28,4%),
- ST 1.1 (Xây dựng thông tin và cơ sở dữ liệu.; 2,5 tỷ/năm, chiếm 15,8%),

- ST 1.3 (Củng cố tài nguyên sinh học và nguồn gen.; đầu tư 0,2 tỷ; chiếm 1,1%) và
- PG 4.3 (Các công cụ pháp lý vừa thích ứng vừa giảm thiểu; đầu tư 0,03 tỷ; chiếm 0,2%) và
- PG 3.3 (Tăng cường năng lực ứng phó với BĐKH của các cơ quan chính phủ để thực hiện hiệu quả các kế hoạch hành động., đầu tư 0,02 tỷ; chiếm 0,1%)

2.4 Chi ngân sách từ nguồn vốn ODA

aĐóng góp của ODA cho tổng ngân sách biến đổi khí hậu (trung bình 2010–2020):	37,08 %
<p>Dưới đây là 05 (năm) dự án ODA lớn nhất cho biến đổi khí hậu (Tên dự án, nguồn vốn, giai đoạn đầu tư, tỷ trọng trong tổng đầu tư từ ODA):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên (2011-2013, 2015-2020, 26,65%) 2. Tiểu dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cừ Long huyện An Phú thuộc Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cừ Long (WB9) (2016-2020, 13,59%) 3. Xây dựng hệ thống thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang (2016-2020, 10,75%) 4. Nâng cấp, mở rộng ĐT 957 thuộc tuyến đường tuần tra biên giới, kết hợp cứu hộ cứu nạn và đề bao ngăn lũ huyện An Phú (2014-2020, 9,96%) 5. Chống sạt lở sông Hậu, tỉnh An Giang (2019-2020, 7,27%) 	

2.5 Các công cụ lập kế hoạch và chính sách

Công cụ	Có (√)/ Không (X)
CTMTQG về BĐKH tại địa phương, báo cáo cho giai đoạn 2015	√
Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCAP)	√
Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (GGAP)	√
Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA)	√
Khác: không	